

LUẬN VĂN:

**Phép biện chứng duy vật đối với sự
nghiệp đổi mới hiện nay ở nước ta**



phần Mở đầu

Mười năm nỗ lực phấn đấu, nhất là 5 năm qua, nhân dân ta đã tạo nên những đổi mới kinh tế quan trọng. Trong khi nhịp độ tăng trưởng nhanh và vượt mức kế hoạch thì cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Và một trong những nguyên nhân để tạo nên sự tăng trưởng kinh tế là nước ta bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Phát triển quan điểm kinh tế của Đại hội VI, Hội nghị lần thứ VI Ban chấp hành Trung ương đã khẳng định phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Việc chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần chính là để giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Không thể có các thành tựu kinh tế như vừa qua nếu không thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần. Vì thế phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa thu hút đầu tư trực tiếp của bên ngoài là chiến lược đúng đắn.

Chính vì tính cấp thiết và tầm quan trọng của vấn đề này đã thôi thúc em chọn đề tài "*Phép biện chứng duy vật đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay ở nước ta*".

Phần I

Cơ sở khách quan và mối quan hệ của các thành phần kinh tế

I/ Nội dung của quy luật mâu thuẫn phép biện chứng

Quy luật mâu thuẫn là một trong ba quy luật của phép biện chứng duy vật và là hạt nhân của phép biện chứng. Nội dung của quy luật chỉ ra cho chúng ta thấy nguồn gốc, động lực của sự phát triển.

Quan điểm siêu hình cho rằng sự vật là một thể đồng nhất tuyệt đối, chúng không có mâu thuẫn bên trong. Thực chất của quan điểm này là phủ nhận mâu thuẫn là nguồn gốc, động lực của sự phát triển. Còn quan điểm của chủ nghĩa duy vật cho rằng sự vật, hiện tượng luôn luôn có mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn là hiện tượng khách quan chủ yếu bởi vì sự vật hiện tượng của thế giới khách quan đều được tạo thành từ nhiều yếu tố, nhiều bộ phận, nhiều quá trình khác nhau. Giữa chúng có mối liên hệ, tác động lẫn nhau trong đó sẽ có những liên hệ trái ngược nhau, gọi là các mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn của sự vật. Các mặt đối lập thường xuyên tác động qua lại lẫn nhau gây nên một biến đổi nhất định, làm cho sự vật vận động phát triển.

Các mặt đối lập là những mặt có xu hướng phát triển trái ngược nhau nhưng chúng lại có quan hệ chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể duy nhất là sự vật. Quan hệ đó thể hiện các mặt vừa thống nhất vừa tiêu diệt nhau. Sự thống nhất giữa các mặt đối lập là sự nương tựa, ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau làm tiền đề để tồn tại và phát triển cho nhau, có mặt này mới có mặt kia. Đấu tranh giữa các mặt đối lập là sự bài trừ gạn bỏ, phủ định lẫn nhau giữa chúng. Hai mặt đối lập cùng tồn tại trong một thể thống nhất, chúng thường xuyên muốn tiêu diệt lẫn nhau. Đó là một tất yếu khách quan không tách rời sự thống nhất giữa chúng.

Quan hệ giữa thống nhất và đấu tranh là hai mặt đối lập tồn tại không tách rời nhau. Sự thống nhất giữa các mặt chỉ diễn ra trong những điều kiện nhất định với một

thời gian xác định. Bất cứ sự thống nhất nào cũng diễn ra sự đấu tranh giữa các mặt đối lập làm cho nó luôn luôn có xu hướng chuyển thành cái khác. Còn đấu tranh diễn ra từ khi thể thống nhất xác lập cho đến khi nó bị phá vỡ để chuyển thành mới. Đấu tranh giữa các mặt đối lập diễn ra trải qua nhiều giai đoạn với nhiều hình thức khác nhau, từ khác biệt đến đối lập, từ đối lập đến xung đột, từ xung đột đến mâu thuẫn.

Đến đây nếu có đủ điều kiện thích hợp thì nó diễn ra sự chuyển hoá cuối cùng giữa các mặt đối lập. Cả hai đều có sự thay đổi về chất, cùng phát triển đến một trình độ cao hơn. Từ đó mâu thuẫn được giải quyết sự vật mới ra đời thay thế sự vật cũ và quá trình lại tiếp tục.

Vì thế đấu tranh giữa các mặt đối lập là nguồn gốc, động lực bên trong của sự phát triển.

II. Tính tất yếu của nền kinh tế nhiều thành phần

Trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế do lịch sử để lại và còn có lợi cho sự phát triển kinh tế CNXH: Kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá thể.

Thực tế ở Việt Nam, thành phần kinh tế tư nhân đã có đóng góp ngày càng tăng vào tổng sản phẩm trong nước (GDP) từ đầu thập niên đến nay. Nếu tính toàn bộ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh nói chung, đóng góp của khu vực này qua các năm như sau (theo giá năm 1989):

1990	1991	1992	1993	1994
19.856	20.755	22.201	23.623	25.224

(Tỉ đồng)

Cao hơn so với thành phần kinh tế quốc doanh lần lượt là: 10.186 tỷ; 10.224 tỷ; 10.411 tỷ; 10.511 tỷ; 10.466 tỷ. Tỷ lệ đóng góp vào ngân sách qua thuế công thương nghiệp, dịch vụ của kinh tế ngoài quốc doanh so với GDP cũng tăng liên tục từ năm 1991 đến 1994: 3,8%; 5,2%; 6,3%; và 5,5%. Thành phần kinh tế cá thể có khả năng đóng góp nhiều lợi ích cho xã hội như tiền vốn, sức lao động, kinh nghiệm, truyền

thống sản xuất. Nó có phạm vi hoạt động rộng trong phạm vi cả nước, có mặt các vùng kinh tế, sản xuất trong nhiều lĩnh vực. Trong quá trình cải tạo XHCN nền kinh tế cũ, nảy sinh những thành phần kinh tế mới: Kinh tế tư bản Nhà nước, các loại kinh tế HTX. Trong quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế mới, vẫn còn bị ảnh hưởng những khuyết tật của cơ chế cũ, cơ chế tập chung quan liêu bao cấp đã phủ định những mâu thuẫn vốn có của nền kinh tế quá độ. Sự mâu thuẫn giai cấp trong xã hội tuy không gay gắt nhưng cũng có những hạn chế nhất định đối với sự phát triển của xã hội. Mâu thuẫn giai cấp là một tất yếu, khách quan của bất kỳ một xã hội nào và mâu thuẫn chính là cơ sở cho sự phát triển của xã hội đó. ở nước ta, bên cạnh mâu thuẫn giai cấp còn có mâu thuẫn chế độ sở hữu. Mấy năm trước đây đã ô ạt xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã phát hiện và kiên quyết thông qua đổi mới để khắc phục sai lầm đó, bằng cách thừa nhận vai trò của sự tồn tại của hình thức tư hữu trong tính đa dạng các hình thức sở hữu. Cần gắn với sở hữu với lợi ích kinh tế vì lợi ích kinh tế là bản chất kinh tế của xã hội. Nước ta quá độ lên CHXN, bỏ qua chế độ Tư bản, từ một nước xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh, hậu quả để lại còn nặng nề, kinh tế nông nghiệp kém phát triển. Bên cạnh những nước XHCN đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, đã từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, cho việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội vẫn còn là một nước XHCN lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Vì thế mâu thuẫn giữa CHXH và CNTB đang diễn ra gay gắt. Trước mắt CNTB còn có tiềm năng phát triển kinh tế nhờ ứng dụng những thành tựu đổi mới khoa học công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý. Chính nhờ những thứ đó mà các nước tư bản có nền đại chủ nghĩa tư bản phát triển. Các nước XHCN trong đó có Việt Nam phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn và phức tạp, chống nghèo nàn lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc. Chính sự vận động của tất cả các mâu thuẫn đó đã dẫn tới hậu quả tất yếu phải đổi

mới nền kinh tế nước ta và một trong những thành tựu về đổi mới nền kinh tế là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần khác phục được tình trạng độc quyền, tạo ra động lực cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế thúc đẩy nền kinh tế hàng hoá phát triển. Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là đặc trưng cơ bản của kinh tế quá độ, vừa là tất yếu, cần thiết, vừa là phương tiện để đạt được mục tiêu của nền sản xuất xã hội nó vừa tạo cơ sở làm chủ về kinh tế vừa đảm bảo kết hợp hài hoà hệ thống lợi ích kinh tế. Đó là động lực của sự phát triển.

III. Mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế

1. Mặt thống nhất

Hiến pháp Nhà nước 1992 xác nhận sự tồn tại lâu dài của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và lần thứ VIII đã được xác định nền kinh tế nước ta tồn tại 5 thành phần kinh tế.

Thành phần kinh tế quốc doanh (kinh tế Nhà nước), thành phần kinh tế tập thể (hợp tác), thành phần kinh tế tư bản tư nhân, thành phần kinh tế tư bản Nhà nước, thành phần kinh tế cá thể tiểu chủ. Hiện nay chúng ta công nhận các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH, xác nhận sự tồn tại lâu dài của nó hơn nữa lại tuyên bố phát triển tất cả các thành phần kinh tế đó theo định hướng XHCN. Đây không phải là một giáo điều sách vở mà là những kinh nghiệm rút ra từ thực tế, những thể hiện từ những thất bại. Mục tiêu hàng đầu trong việc phát triển các thành phần kinh tế được tóm tắt thành 3 điểm: Giải phóng sức sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân. Mục tiêu cũng chính đã thể hiện nhất quán từ hội nghị Trung ương lần thứ VI khiến Đảng ta phải ban hành những chính sách để khuyến khích sản xuất "bung ra" và cho đến nay, trong chính sách phát triển 5 thành phần kinh tế chúng ta vẫn thấy cần thiết thực sự lưu ý đến các thành phần mà trước đây gọi là phi XHCN, là đối tượng phải cải tạo ngay khi bước vào thời kỳ xây

dựng CNXH. Chẳng hạn như chính sách khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư lâu dài, mọi thành phần kinh tế được bình đẳng, vay vốn sản xuất, bảo vệ quyền sở hữu và hợp pháp của các nhà tư bản, áp dụng phổ biến và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế tư bản Nhà nước. Chính nhờ việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, công cuộc đổi mới của chúng ta đã đạt những kết quả quan trọng. Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Trong cơ chế đó các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, quan hệ bình đẳng, cạnh tranh hợp pháp, hợp tác và liên doanh tự nguyện, thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nhà nước quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ và sử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế, bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Công cuộc cải cách kinh tế ở Việt nam đã làm nền kinh tế thay da đổi thịt đưa tốc độ phát triển kinh tế bình quân từ 4,9% trong thời kỳ 1986 - 1990 lên 7,7% trong thời kỳ 1990 - 1995 và giảm tốc độ lạm phát từ 7,75% (năm 1986) xuống 12,7% (1995). Thành công của cải cách không những là nhờ các chính sách tài chính tiền tệ thích hợp và còn vì việc mở cửa cho nền kinh tế khu vực tư nhân vào đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách kinh tế thành phần, không phân biệt đối xử không tước đoạt tài sản hợp pháp, không gò ép tập thể tư liệu sản xuất, không áp đặt hình thức kinh doanh khuyến khích các hoạt động cho quốc tế nhân sinh. Các thành phần kinh tế nước ta có mối quan hệ chặt chẽ và thống nhất. Chúng đều là bộ phận cấu thành của hệ thống nhân công lao động xã hội thống nhất và mục tiêu duy nhất và chung nhất của chúng ta là đáp ứng nhu cầu của xã hội và cư dân trên thị trường để hướng tới một mục đích cuối cùng phát triển nền kinh tế đất nước, đưa nước ta trở thành một nước có nền công nghiệp phát triển. Nền kinh tế nhiều thành phần nước ta phát triển theo định hướng XHCN nhưng đều chịu sự điều tiết thống nhất của các quy luật kinh tế khách quan đang tác động trong thời kỳ quá độ (Nước ta trong thời kỳ

quá độ lên CNXH trong hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc). Đó là "Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản Nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh nhưng không phải là một thành phần kinh tế độc lập. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh "Mặc dù thành phần kinh tế đều chịu sự điều tiết của Nhà nước những mỗi thành phần đã được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đi nhanh vào cuộc sống chính sách ấy đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế, khơi dậy được nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ tạo thêm việc làm sản xuất cho xã hội thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế hàng hoá, tạo ra sự cạnh tranh sống động trên thị trường. Sự phát triển của các thành phần kinh tế là quá trình thực hiện sự kết hợp và lợi ích kinh tế xã hội, tập thể và người lao động ngày càng cao hơn.

2. Mặt mâu thuẫn:

a. Quy luật không những chỉ ra quan hệ giữa các mặt đối lập mà còn chỉ ra cho chúng ta thấy, nguồn gốc, động lực của sự phát triển chính vì thế trong sự phát triển các thành phần kinh tế nước ta hiện nay bên cạnh mặt thống nhất còn song song phát triển theo định hướng tư bản chủ nghĩa. Mặc dù vậy đó mới chỉ là khả năng vì thực trạng kinh tế - xã hội nước ta và tương quan lực lượng trong bối cảnh quốc tế như hiện nay khi vận mệnh của đất nước phát triển theo hướng XHCN "Chưa phải là một cái gì không thể đảo ngược lại. Là quyết tâm cao kiên định chưa đủ mà phải có đường lối sáng suốt khôn ngoan của một chính Đảng cách mạng tiên tiến giàu trí tuệ và đặc biệt phải có bộ máy Nhà nước mạnh". Mâu thuẫn cơ bản trên còn thể hiện giữa một bên gồm những lực lượng và khuynh hướng phát triển theo định hướng XHCN trong tất cả các thành phần kinh tế, được sự cổ vũ, khuyến khích hướng dẫn,

bảo trợ của những lực lượng chính trị - xã hội tiên tiến với một bên là khuynh hướng tự phát và những lực lượng và những lực lượng gây tổn hại cho quốc tế nhân sinh. Mâu thuẫn cơ bản này được quyết định những mâu thuẫn kinh tế - xã hội khác cả về chiều rộng và chiều sâu, trong quá trình phát triển kinh tế nhà nước theo định hướng XHCN. Do đặc điểm của thời kỳ quá độ tiến lên XHCN ở nước ta là phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng lực lượng sản xuất, khắc phục những kinh tế lạc hậu và lỗi thời bằng cách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản của Nhà nước để đưa nền kinh tế nước ta đi lên CNXH. Do đó mâu thuẫn kinh tế cơ bản ẩn chứa bên trong quá trình này là: mâu thuẫn giữa hai định hướng phát triển kinh tế - xã hội: Định hướng XHCN và định hướng phi XHCN. Đó là mâu thuẫn bên trong của nền kinh tế nước ta hiện nay. Hai định hướng đó song song và thường xuyên tác động lẫn nhau tạo thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản chi phối quá trình phát triển nền kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH. Do vậy vận động nền kinh tế nước ta không thể tách rời sự vận động của thế giới của thời đại. Ngày nay những nhân tố bên trong và bên ngoài của cách mạng Việt Nam gắn bó khăng khít với nhau hơn bao giờ hết cho nên còn có một mâu thuẫn nữa tác động mạnh mẽ vào quá trình phát triển của nền kinh tế nước ta hiện nay là mâu thuẫn của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng giữ vững nền độc lập dân tộc và kiên định đi theo con đường XHCN với các thế lực phản động trong và ngoài nước. Có một điều có vẻ như ngược đời trong công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay là xây dựng CNXH bằng cách mở rộng đường cho CNTB. Nhưng CNTB ở đây là CNTB hoạt động dưới sự quản lý của Nhà nước XHCN. Và không dẹp bỏ kinh tế tư nhân và TBCN như chúng ta đã làm trước đây. Trái lại ngày nay chúng ta bảo hộ và khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển. Điều này không phải là chúng ta thay đổi con đường phát triển kinh tế - xã hội, không phải là từ bỏ sự lựa chọn XHCN. Việc xóa bỏ chế độ tư hữu kiểu trước đây là trái với qui luật khách quan. Vì thế sẽ không thúc đẩy mà trái lại làm trở ngại cho sự phát triển của lực lượng sản xuất, mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh khó có thể thực hiện được. Do đó tình trạng nghèo nàn lạc hậu là "giặc đói" v.v... vẫn còn tồn tại trên đất nước ta. Đây là những nguy cơ và hiểm họa đối với sự tồn vong của cơ chế mới mà chúng ta đang

gắng sức xây dựng. Sự phát triển của kinh tế cá thể, tư bản tư nhân ở trong nước và việc mở cửa cho CNTB nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức của "chế độ tô nhượng", đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ sẽ thực sự làm cho nền kinh tế mạnh lên, nhưng cũng thực sự sẽ diễn ra 2 cuộc đấu tranh giữa hai định hướng phát triển kinh tế xã hội. Chính sách phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đòi hỏi có sự khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ vì hiện nay sự phát triển đó còn thấp, chưa tương ứng với tiềm năng hiện có. Tuy nhiên đường lối đó cũng đòi hỏi thúc đẩy các thành phần kinh tế khác phát triển. Chỉ có như vậy mới làm cho các thành phần kinh tế khác ngày càng mạnh lên, phát huy tốt vai trò chỉ đạo và hợp thành nền tảng kinh tế Quốc dân. Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật, nhưng không có vai trò, vị trí như nhau trong quá trình hình thành và xây dựng chế độ kinh tế - xã hội mới. Kinh tế mà nòng cốt là các doanh nghiệp Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Trong quá trình tổ chức xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, Nhà nước ta sử dụng một phần vốn tài sản thuộc sở hữu Nhà nước xây dựng khu vực doanh nghiệp nhà nước đủ mạnh, hoạt động có hiệu quả để giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, Nhà nước sử dụng các doanh nghiệp Nhà nước như một "công cụ vật chất để vừa hướng dẫn, điều chỉnh những biến động tự phát triển của thị trường; vừa "mở đường" làm "đầu tàu" thu hút, lôi kéo các thành phần kinh tế khác phát triển theo định hướng, chiến lược và kế hoạch của Nhà nước, chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã nêu rõ "khu vực quốc doanh được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện vai trò chỉ đạo và chức năng của công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước" ⁽¹⁾. Như vậy bên cạnh quan hệ thống nhất có liên quan mật thiết đến nhau của các thành phần kinh tế còn tồn tại những mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế. Những mâu thuẫn này tạo động lực và tiền đề cho sự phát triển của nền kinh tế. Năm thành phần kinh tế nước ta đến nay, không chỉ có mâu thuẫn bên ngoài giữa các thành phần kinh tế mà có mâu thuẫn bên trong bản thân các thành phần kinh tế mà muốn hiểu đúng bản chất của sự vật muốn

⁽¹⁾ Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000 - NXB Sự thật Hà Nội 1991 - Trang 12

xác định được xu thế phát triển của nó phải tìm cho được mâu thuẫn bên trong của sự vật. Bên trong bản thân các thành phần kinh tế còn tồn tại mâu thuẫn giữa lợi ích các ngành trong thành phần kinh tế đó, những ngành độc quyền như CN quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước, Bru chính viễn thông, không phải là không chịu sự cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường. Ngành nào cũng muốn - kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Trong nền kinh tế hiện nay thực hiện điều đó không phải là dễ dàng. Nhưng chính sự cạnh tranh đó đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển cao hơn với chất lượng và số lượng sản phẩm ngày càng phong phú hơn. Chuyển sang kinh tế thị trường tất yếu phải hoà nhập vào nền kinh tế thế giới. Trong thời đại ngày nay, mọi nền kinh tế dân tộc đều không hướng tới xuất khẩu, không coi mũi nhọn vươn lên ra bên ngoài thì không thể đưa nền kinh tế trong nước tăng trưởng theo kịp bước tiến hoá chung của nhân loại. Nền ngoại thương Việt Nam những năm 1981 - 1982 còn nhỏ bé và mất cân đối nghiêm trọng. Tổng kim ngạch không vượt quá 500 triệu USD và tỉ lệ xuất nhập là 1/4 (xuất 1 thì nhập 4). Những năm đầu thay đổi (1986 - 1987) kim ngạch xuất khẩu khoảng 800 triệu USD với tỷ lệ xuất nhập khẩu là 1/1,7. Năm 1986 - 1989 kim ngạch xuất khẩu đã trên 1 tỷ USD, năm 1991 gần 2 tỷ USD và năm 1992 trên 2,4 tỷ với cán cân ngoại thương thăng bằng. Đó là những bước tiến hết sức quan trọng tại những cơ sở, những tín hiệu đáng mừng cho nền kinh tế nước ta. Đó là do sự cạnh tranh gay gắt của các ngành trong kinh tế quốc doanh, mà ngành nào cũng cho mình là then chốt. Đấu tranh và phát triển là hai mặt của hiện tượng, là quan hệ nhân - quả của một vấn đề. Có đấu tranh mới có phát triển vì vậy như bất kỳ một giá trị nào, sự đấu tranh của các mặt đối lập tất yếu sẽ dẫn đến sự chuyển hoá giữa chúng. Trong cơ chế thị trường mặc dù là sự cạnh tranh rất khốc liệt "Thương trường là chiến trường" nhưng những gì còn tồn tại được và mặt hàng nào được người tiêu dùng chấp nhận, đó chính là do sự nỗ lực đổi mới của bản thân ngành đó. Chính vì vậy các doanh nghiệp không thể ngồi yên thụ động mà phải đổi mới, cải tiến đáp ứng nhu cầu của thị trường, thúc đẩy tính năng động sáng tạo và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đó là tính ưu việt của mâu thuẫn nhưng bên cạnh đó những mâu thuẫn này cũng đã nảy sinh nhiều tệ nạn xã hội. Đó là sự coi trọng lợi ích và đồng tiền, vì tiền họ sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn để đạt được mục đích của mình. Điều này có sự

ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển chung của xã hội nhất là xã hội Việt Nam ta muốn coi trọng những giá trị văn hoá truyền thống và đạo đức con người. Tính mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế là còn ở chỗ do lợi ích lâu dài giữa các thành phần kinh tế khác nhau, mỗi thành phần kinh tế có lợi ích riêng. Quá trình phát triển mạnh mẽ của nền sản xuất xã hội, quá trình phát triển sức sản xuất, cải tiến kỹ thuật, công nghệ, đổi mới tổ chức quản lý kinh tế, thực hiện mạnh mẽ sự phân công lao động sẽ khắc phục tình hình mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế.

Phần II

Thực trạng - giải pháp của các thành phần kinh tế

I. Thực trạng các thành phần kinh tế trong thời gian qua:

1. Kinh tế quốc doanh:

Dựa trên sở hữu toàn dân tư liệu sản xuất, theo số liệu thống kê đến cuối năm 1989 cả nước có 12.080 xí nghiệp quốc doanh với vốn tương ứng là 10 tỷ đồng USD. Trong đó công nghiệp chiếm 49,3% tổng số vốn, xây dựng chiếm 9% tổng số vốn. Nông nghiệp chiếm 8,1% tổng số vốn lâm nghiệp 1,2% tổng số vốn. CTVT : 14,8%; Thương nghiệp 11,6%; Các ngành khác 5,93% tổng số vốn. Hàng năm thành phần kinh tế này tạo ra khoảng 35 - 40% GDP và từ 22 - 30% TNQD, đóng góp vào ngân sách từ 60 - 80% số thu của ngân sách Nhà nước. Thành phần kinh tế này nắm giữ toàn bộ công nghiệp nặng, hàng tiêu dùng chiếm tỉ trọng phần lớn phần lớn những sản phẩm chủ yếu (100%) thuốc chữa bệnh 100% hàng dệt kim 85% giấy, 75% vải mặc, 60% xà phòng và 70% xe đạp... không ai có thể phủ nhận vai trò và tầm quan trọng của kinh tế quốc doanh đối với nền kinh tế quốc doanh đối với nền kinh tế nước ta và tuy đã đạt một số thành tích song khu vực kinh tế quốc doanh chưa đảm bảo được tái sản xuất giản đơn, sự tăng trưởng kinh tế thực hiện theo mô hình chiều rộng (tăng vốn, tăng lao động); sự đóng góp của khu vực này so với số chi của Nhà nước trở lại cho nó 1:3.

*Hiện nay sau đổi mới cơ cấu thành phần kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, tuy có tạo nên sự chuyển biến bước đầu, một số xí nghiệp đã vượt qua khó khăn tạo nên thế ổn định để đi ra và đi lên. Song những nhân tố đó chưa nhiều và những chuyển biến đó chưa có cơ sở vững chắc và lâu dài. Đến 31/12/1991 đã có 500 xí nghiệp Nhà nước phá sản và ngừng hoạt động. Việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định 388 - HĐBT chỉ mới được ở 10 Bộ, trong đó số doanh nghiệp hiện có là 1566, số đủ điều kiện tồn tại là 1.096, số phải chuyển thể là 470. Về địa phương đã tiến hành được 10 tỷ . Thành phần trong đó số doanh nghiệp hiện có 2464, số đủ điều

kiện 582, số phải chuyển thể 882, việc triển khai thí điểm cổ phần hoá theo quyết định 202 - HĐBT chưa tiến hành được bao nhiêu, do nhiều nguyên nhân khác nhau làm ách tắc và chậm chạp.

*** Từ thực trạng nói trên. Ta có thể thấy một số đặc trưng của xí nghiệp quốc doanh hiện nay là :**

- Sau một số khó khăn tất yếu, đã có vài doanh nghiệp trụ lại, vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội và dân cư, dập tắt những cơn sốt hàng hoá, góp phần bình ổn giá cả. Tuy vậy số doanh nghiệp này chưa nhiều và chưa vững chắc.

- Sự tồn tại thành phần kinh tế là cần thiết nhưng còn quá nhiều với ngân sách, chất lượng và hiệu quả rất thấp.

- Sự tăng trưởng và tồn tại hay hồi sinh của một số xí nghiệp về mặt thực chất vẫn còn lợi dụng kẽ hở của bao cấp Nhà nước, những sơ hở của pháp luật.

- Quen sống trong cơ chế bao cấp nên thiếu độ nhạy cảm với các thông số biến động của thị trường.

Nhiều doanh nghiệp đã trở thành nơi để cho người lợi dụng quốc doanh để buôn lậu, tham nhũng làm thất thoát tài sản vốn liếng của Nhà nước.

2. Kinh tế tập thể:

Kinh tế tập thể dựa trên sở hữu tập thể về TLSX (trừ ruộng đất sở hữu toàn dân). Đây là thành phần kinh tế tuy trình độ xã hội hoá tư liệu sản xuất, tổ chức và quản lý sản xuất còn thấp hơn kinh tế quốc dân nhưng sản xuất với lượng hàng hoá cung ứng cho sản xuất và tiêu dùng đời sống xã hội. Trước biến động có tính bước ngoặt của nền kinh tế chuyển sang kinh tế thị trường và sự sụp đổ của các nước Liên xô và đông âu cũ, kinh tế thị trường nước ta nhìn chung bị giảm sút và biến dạng. Trong công nghiệp số HTX 32.034 (1988) chỉ còn 9.660 (1991) mức sản xuất năm 1991 so với năm trước giảm 47% nên giá trị sản lượng đóng cũng giảm dần từ chỗ chiếm 23,9% (năm 1988) giảm xuống còn 6,8% (năm 1991). Trong thương nghiệp và

dịch vụ tính đến năm 1989 toàn ngành có 21.094 điểm bán hàng tập thể, trong đó 14.992 HTX mua bán ở phường xã. Tính đến năm 1991 hơn 75% số HTX giải thể. Số còn lại hoạt động cầm chừng. Từ chỗ toàn ngành thương nghiệp dịch vụ chiếm 15% tổng mức bán lẻ trên thị trường trước năm 1996 đến năm 1991 chỉ còn chiếm 1,8%. Trong nông nghiệp sự xuất hiện kinh tế nông hộ với tư cách là đơn vị kinh tế cơ sở, thực hiện rộng rãi cơ chế khoán, hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất, bước đầu giải phóng mức sản xuất khai thác tiềm năng lao động và vốn của nhân dân. Nhà nước tiếp tục đổi mới và kiện toàn kinh tế tập thể theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng phát huy và kết hợp hài hòa sức mạnh của tập thể và của xã viên. Phát triển các hình thức hợp tác, đa dạng và mở rộng các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng (nông dân) ở những nơi cần thiết và có điều kiện.

3. Kinh tế tư bản Nhà nước.

Hiện nay việc nhận thức thành phần kinh tế còn rất hạn hẹp và rất đơn giản, mặc dù nó có vị trí rất quan trọng trong cơ cấu kinh tế những thành phần ở nước ta. Thành phần kinh tế này rất phát triển, đa dạng. Nó bao gồm các loại hình doanh nghiệp thuộc hình thức sở hữu hỗn hợp. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tính đến tháng 7 năm 1992 đã có 461 dự án đầu tư đã được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký là 3.563 triệu USD; trong đó hình thức liên doanh là chủ yếu, phổ biến chiếm 342 dự án và chiếm 55% tổng số vốn đăng ký. Nếu tính theo địa phương và miền thì các tỉnh phía nam chiếm 72,5% số dự án và 73,5% tổng số vốn đăng ký cả nước. Còn số dự án đầu tư và đang có chiều hướng tăng lên, tính đến tháng 6 năm 1994 đã có 800 dự án với tổng số vốn đăng ký là 8,7 tỷ USD và dự báo đến năm 2000 có thể đạt 20 tỷ USD. Kinh tế tư bản Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc vận động tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ khả năng quản lý của các nhà tư bản vì lợi ích của họ cũng như lợi ích của đất nước. Nhà nước cần phát triển rộng rãi các hình thức liên doanh, nhiều phương thức góp vốn thích hợp giữa kinh tế Nhà nước với tư bản tư nhân trong và ngoài nước, để tạo đà cho các doanh nghiệp Việt nam phát triển, bằng khả năng hợp tác và cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.

4. Thành phần kinh tế tư nhân:

Trên thực tế kinh tế tư nhân ở nước ta bao gồm: Các xí nghiệp tư nhân, hộ tư nhân và cá thể tuy nhiên việc phân loại này cả lý luận và thực tiễn còn đang có chỗ chưa thống nhất. Nhưng mặc dù khu vực kinh tế này mới được hồi sinh, nhưng từ năm 1989 đến nay đã phát triển nhanh và mạnh. Ví dụ: ngành công nghiệp chiếm 27,2% (1989) đến nay gần 30% trong tổng giá trị sản phẩm công nghiệp; tính đến năm 1991 trong thương nghiệp thành phần kinh tế tư nhân có 730 nghìn hộ với 950 nghìn người kinh doanh chuyên nghiệp và 1,2 triệu người buôn bán nhỏ. Số hộ qui mô vừa và nhỏ chiếm đại bộ phận. Tính đến giữa tháng 8 năm 1992 đã 571 hộ kinh doanh lớn được phép chuyển thành doanh nghiệp tư nhân với số vốn là 114 tỷ đồng Việt Nam ; 412 hộ chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn với số vốn 268 tỷ đồng Việt nam; 29 hộ chuyển thành công ty cổ phần với số vốn 159 tỷ đồng Việt Nam. Trên thị trường xã hội, thành phần kinh tế này đua tranh với thương nghiệp quốc doanh và tập thể nên đã chiếm lĩnh về bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng từ 60,8% (1989) lên 73,1% (1991). Theo sự phân loại, kinh tế nông hộ cũng thuộc khu vực kinh tế này. Cho đến nay có khoảng 10.402 hộ trong đó hộ sản xuất hàng hoá có mức thu nhập từ 5 triệu đồng trở lên chiếm 22,4%; hộ tự cấp tự túc chiếm 62,8%; hộ nghèo và quá nghèo chiếm 14,8%. Khu vực kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế phát triển mạnh. Cuối năm 1988 đến nửa năm 1990 kinh tế tư bản tư nhân phát triển khá rầm rộ. Cả nước lúc đó có gần 500 xí nghiệp và công ty tư doanh. Thành phố Hồ Chí Minh có 235 doanh nghiệp tư nhân với số vốn đầu tư mỗi đơn vị từ 100 triệu đồng trở lên. Đến tháng 7 năm 1992 sau hơn 1 năm ban hành luật doanh nghiệp tư nhân cả nước có 785 xí nghiệp tư nhân với tổng số vốn đăng ký 424 tỷ đồng. Nhìn chung hiện nay khu vực kinh tế tư nhân hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là về vốn, nguyên liệu, thị trường và qui chế. Hiện nay thành phố có trên 40% doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về vốn; 8% gặp khó khăn về nguyên liệu; 7% về thị trường và 4% về qui chế. Các số liệu tương ứng ở nông thôn là 44%; 4%.

5. Kinh tế cá thể tiểu chủ:

Thành phần kinh tế này có thể kinh doanh như các tác nhân kinh tế độc lập (như khái niệm "hộ gia đình" trong nền kinh tế thị trường) nhưng cũng có thể là các vệ tinh cho doanh nghiệp Nhà nước hay HTX, ở đây chúng ta thấy chính các thành phần kinh tế cũng đan xen với nhau: Về bản chất là kinh tế cá thể, tiểu chủ, nhưng biểu hiện ra có thể là các cơ sở gia công cho doanh nghiệp hoặc các HTX. Kinh tế cá thể được khuyến khích phát triển trong các ngành ở cả thành thị và nông thôn không bị hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, tham gia các loại hình HTX, liên kết với các doanh nghiệp lớn bằng nhiều hình thức. Thành phần kinh tế này dựa trên hình thức sở hữu cá nhân về tư liệu sản xuất và lao động trực tiếp của bản thân người lao động. Kinh tế cá thể có đặc điểm kỹ thuật thủ công, năng suất lao động thấp, sản xuất nhỏ phân tán nhưng khi có chính sách kinh tế đúng kinh tế cá thể có khả năng đóng góp nhiều cho lợi ích xã hội như tiền vốn, sức lao động, kinh nghiệm truyền thống. Tuy nhà nước cũng cần có những biện pháp quản lý thị trường chặt chẽ để hạn chế và khắc phục tính tự phát của nó.

II. Phương hướng và triển vọng:

Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chiến lược kinh tế đến năm 2000, cơ cấu kinh tế trong những năm 90 phải chuyển dịch rõ ràng. Và một trong những phương hướng chuyển dịch đó là phải sắp xếp lại và đổi mới quản lý để đảm bảo sự phát triển có hiệu quả của kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, khuyến khích mọi loại hình kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tạo môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị kinh tế.

Để phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế lao động là chủ yếu.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Đảng ta đã khẳng định: Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Cần tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước khai thác mặt tích cực và khắc phục, ngăn ngừa hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ từ pháp luật của mọi doanh nghiệp, cá nhân, không phân biệt thành phần kinh tế.

Kết luận

Trên đây là những khái quát sơ bộ nhất về quan hệ năm thành phần kinh tế nước ta hiện nay. Để thực hiện mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế năm 2000: ổn định tình hình kinh tế xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo kém phát triển, cải thiện đời sống nhân dân củng cố quốc phòng và an ninh, và tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ 21, thì việc xác định đúng quan hệ và có chính sách phù hợp với năm thành phần kinh tế là một nhiệm vụ cấp bách và rất cần thiết của Đảng và Nhà nước ta trong những năm này.

Tài liệu tham khảo

- A/ Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI
- B/ Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII
- C/ Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000 - NXB Sự thật Hà Nội 1991 - Trang 12
- D/ Tạp chí triết học, số 1 (101), tháng 2 - 1998.

Đ/ Triết học Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia.